

**Tập 171**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi sáu:

**(Sao) Đồng Tướng giả, nhược ước ngũ giáo, tắc nhất giả lập sự tự nghĩa môn.**

**(鈔) 同相者，若約五教，則一者立事就義門。**

**(Sao: Đồng Tướng là nếu ước theo ngũ giáo, thì môn thứ nhất là thiết lập sự tướng để dẫn khởi ý nghĩa).**

“Ngũ giáo” là năm môn. Đoạn này vẫn tiếp tục giảng về Tam Bảo, cũng nhằm giải thích phần kinh văn “*niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*”. Trong phần trước đã giới thiệu Biệt Tướng Tam Bảo, đối lập với Biệt Tướng là Đồng Tướng. Trong phần [giảng giải] Đồng Tướng [Tam Bảo], bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư đã dựa trên giáo nghĩa của tông Hiền Thủ để giải thích. Ngài Hiền Thủ phán giáo đã phán định ngũ giáo là Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. [Mỗi giáo trong] ngũ giáo đều có Đồng Tướng Tam Bảo. Chúng ta xem loại thứ nhất, loại thứ nhất là Tiểu Giáo, “*lập sự tự nghĩa môn*”. Tiểu Giáo thiên trọng sự tướng.

**(Diễn) Tam thập nhị tướng, tượng lục kim thân, sự tướng Phật đã. Lập thử sự tướng, dĩ tự giác nghĩa. Dĩ Thích Ca khổ hạnh thành đạo, thuyết pháp độ nhân, tự giác giác tha, cố danh Phật Bảo.**

**(演) 三十二相，丈六金身，事相佛也。立此事相，以就覺義。以釋迦苦行成道，說法度人，自覺覺他，故名佛寶。**

**(Diễn: Ba mươi hai tướng, thân vàng tượng sáu, là Phật theo phương diện sự tướng. Lập ra những tướng ấy, để dẫn khởi ý nghĩa Giác. Vì Phật Thích Ca khổ hạnh thành đạo, thuyết pháp độ người, tự giác, giác tha, nên gọi là Phật Bảo).**

Đức Phật chẳng tại thế, chúng ta thờ tượng Phật, đó là Phật Bảo trong Tam Bảo. Thờ tượng Phật với dụng ý khơi gợi, phát khởi trí huệ của chính mình. Phật có nghĩa là giác, giác chứ không mê. Thấy tượng Phật sẽ nhắc nhở giác tâm và giác hạnh của chính mình, phải giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng bị những thứ huyền ảo trong thế gian mê hoặc. Pháp thế gian đều chẳng thật, kinh Kim Cang đã nói rất minh bạch: “*Phàm*

*những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Sở dĩ chúng sanh khổ, Phật, Bồ Tát nói là “*kẻ đáng thương xót*”, rất đáng thương; vì sao nói họ đáng thương? Bị pháp thế gian làm mê, mê trong các giả pháp, quên bằng chân thật. Chân thật thì nói thật ra, hưởng thụ bất tận; trong Chân Như bốn tánh có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Kinh văn trong mười một cuốn rười thuộc phần đầu kinh Hoa Nghiêm nói về quả báo của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Tỳ Lô Giá Na là ai? Là chính bản thân chúng ta. Phước báo của chúng ta vốn to ngàn ấy, nay lại thế thảm dường này, là vì lẽ nào? Mê muội bốn tánh. Toàn bộ trí huệ và phước đức vốn sẵn có trong bốn tánh đều bị mất đi; chẳng phải là thật sự bị mất đi, mà là mê mất. Ở ngoại quốc, tôi gặp nhiều đồng tu niệm Phật rất tinh tấn, hễ gặp tôi đều thưa hỏi Phật pháp, nhưng khi quay về Đài Loan, chẳng thấy có ai! Phật cũng không học, mà kinh cũng chẳng nghe. Nghe nói họ đều đến thị trường chứng khoán cả rồi, bị những thứ ấy mê hoặc. Mê mất tự tánh, đáng sợ quá! Đó là “*kẻ đáng thương xót*” như trong kinh điển thường nói, những kẻ ấy đáng thương lắm thay!

Trong nhà quý vị thờ tượng Phật, thường thấy tượng Phật, nhằm nhắc nhở chính mình đừng mê, giác chứ không mê, có ý nghĩa ấy. Ngẫm lại, Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc đối với danh vọng, lợi dưỡng thứ gì cũng đều chẳng thiếu; còn kẻ mê hằng ngày suy tính, mong giành lấy, bậc giác ngộ bỏ sạch những thứ đó, bỏ sạch vinh hoa phú quý trong thế gian, khổ hạnh thành đạo, làm cho chúng ta thấy. Cuộc sống vật chất tuy gian khổ, nhưng cuộc sống tinh thần của họ viên mãn. Nói thật ra, khổ và lạc do lũ phàm phu mắt thịt chúng ta thấy như vậy. Chúng ta cảm thấy ăn uống trà thô, cơm nhạt là cuộc sống rất khổ; trong tầm mắt của Phật, Bồ Tát, các Ngài thấy quý vị mỗi ngày ăn cá to, thịt bự rất khổ, rất đáng thương, vì sao? Mỗi ngày đều kết thù oán cùng chúng sanh, nợ nần ngày càng nặng nề, làm sao quý vị có thể trả sạch nợ trong một đời cho được? Quý vị hãy chú tâm lắng lòng quan sát đôi chút, rốt cuộc ai sống đời tự tại? Ai sống khổ sở? Vì thế, khổ và lạc chẳng phải là tiêu chuẩn tuyệt đối. Chúng ta thấy người tu hành sống rất khổ, người tu hành thấy người thế tục rất khổ, rất đáng thương! Do vậy, phải hiểu cuộc sống của Phật, Bồ Tát là chân thật, rất đáng cho chúng ta học tập, làm theo. Lại xem đoạn tiếp theo giảng về Pháp Bảo:

***(Diễn) Tứ A Hàm đẳng, bất đàm Thật Tướng, duy thuyết Khổ, Không, thử sự tướng pháp dã. Lập thử sự tướng, dĩ tự quý trì nghĩa.***

***Dĩ Tứ Đế chi pháp, diệt năng quĩ sanh vật giải, nhậm trì tự tánh, cố danh Pháp Bảo.***

(演) 四阿含等，不談實相，唯說苦空，此事相法也。立此事相，以就軌持義。以四諦之法，亦能軌生物解，任持自性，故名法寶。

(Diễn: Tứ A Hàm v.v... chẳng giảng về Thật Tướng, chỉ nói Khổ, Không, đó là Pháp thuộc về sự tướng. Lập ra sự tướng này, nhằm dẫn khởi ý nghĩa “quĩ trì” (pháp tắc, đường lối để noi theo, vâng giữ). Bởi lẽ, pháp Tứ Đế thì cũng có thể dùng làm nguyên tắc hướng dẫn khiến cho chúng sanh lý giải, tự nhiên gìn giữ tự tánh, nên gọi là Pháp Bảo).

Đoạn này là Tiểu Thừa Tam Bảo. Pháp Bảo là gì? Kinh A Hàm. Kinh A Hàm (Āgama Sūtra) chia thành bốn loại lớn, nên gọi là Tứ A Hàm. Bốn loại lớn ấy chẳng dựa theo nội dung để chia ra, mà là dựa theo độ dài ngắn để phân định. Kinh rất dài, phân lượng rất nhiều, chúng ta bèn gọi là Trường A Hàm (Dīrgha Āgama), tức là Trường Bộ, văn tự khá nhiều. Loại thứ hai là kinh ngắn, văn tự không nhiều lắm, không quá hai ba ngàn chữ, được gọi Trung A Hàm (Madhyama Āgama), tức Trung Bộ. Còn có kinh rất ngắn, chẳng vượt quá một ngàn chữ, [chỉ có] mấy trăm chữ, có lúc chỉ mấy chục chữ đã là một bộ kinh, được gọi là Tập A Hàm (Saṃyukta Āgama). [Loại cuối cùng] là Tăng Nhất A Hàm (Ekottara Āgama), đức Phật nói xong một chuyện, sau đó lại nói thêm một chuyện nữa, lại nói chuyện khác nữa, tuần tự nói từng bước, quá nửa là từ một chuyện nói đến mười chuyện, nói từng điều một. Kinh A Hàm có bốn loại ấy<sup>1</sup>. Đức Phật dạy học cho hàng sơ cơ, dạy thật nông cạn, chẳng giảng đạo lý Thật Tướng Đại Thừa. Kinh Tiểu Thừa dùng Tam Pháp Ấn (Tri-drsti-namitta-mudrā) để ấn định. Tam Pháp Ấn là Vô Thường, Khổ Không, Vô Ngã. Đức Phật

---

<sup>1</sup> Thật ra, trong Hán tạng còn có một loại A Hàm nữa, đôi khi được gọi là Tiểu Bộ A Hàm (Kṣudraka Āgama). Trong bản tiếng Hán, phần này được chia thành mười lăm bản kinh (trong khi đó, theo truyền thống Nam Tông, đây là mười lăm phần, tức là gồm nhiều bản kinh hơn). Phần này tuy ngắn, nhưng bao gồm các bản kinh khá nổi tiếng như Pháp Cú, Nghĩa Thích, Bốn Sự, Bốn Sanh, Ngạ Quỷ Sự, Thí Dụ Kinh, Phật Chung Tánh Kinh, Sở Hành Tạng Kinh v.v... Phật môn Trung Hoa do chịu ảnh hưởng của Nhất Thiết Nghĩa Bộ (Sarvāstivāda) chỉ công nhận Tứ A Hàm, coi những kinh thuộc Tiểu Bộ là một phần của Tăng Nhất A Hàm, trong khi các bộ phái như Đàm Ma Cấp Đa Bộ (Pháp Tạng Bộ, Dharmaguptaka), Hóa Địa Bộ (Mahīśāsaka)... lại coi đây là một bộ loại riêng. Trường phái Theravāda coi Tiểu Bộ A Hàm là một phần A Hàm riêng biệt với danh xưng Khuddaka Nikāya.

giảng những chuyện ấy rất dễ hiểu, mà cũng dễ tiếp nhận. Vì sao? Đó là những chuyện đích thân cảm nhận của mỗi người chúng ta trong một đời này. Chỉ nói Khổ, Không, Vô Thường, đó là các pháp thuộc về sự tướng, là Phật pháp [ở một mức độ] rất cạn.

“*Dĩ tự quĩ trì nghĩa*”, “*quĩ trì*” (軌持) là ý nghĩa được bao hàm trong Pháp Bảo của Tam Bảo. Pháp, tiếng Phạn là Đạt Ma (Dharma), Đạt Ma dịch sang tiếng Hán là Quĩ Trì. Quĩ (軌) có nghĩa là “*quĩ đạo*”; đi theo quĩ đạo, chắc chắn chẳng sai lầm, giống như xe lửa chạy trên đường sắt. “*Quĩ*” cũng là pháp tắc, nay chúng ta nói là nguyên tắc. “*Trì*” (持) là gìn giữ, quý vị có thể gìn giữ nguyên tắc ấy sẽ chẳng phạm sai lầm, nguyên tắc ấy là gì? Là các đạo lý và phương pháp do đức Phật đã dạy trong kinh Tứ A Hàm. Quý vị dùng những điều ấy để làm nguyên tắc tu học sẽ không bị sai lầm. Đó là ý nghĩa của Quĩ Trì.

“*Dĩ Tứ Đế chi pháp*” (Dùng pháp Tứ Đế), Tứ Đế chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Tiểu Giáo Tứ Đế là Sanh Diệt Tứ Đế, nói rất cạn, và cũng hết sức dễ hiểu. “*Diệt năng quĩ sanh vật giải*” (Cũng có thể dùng làm nguyên tắc khiến cho chúng sanh lý giải), “*quĩ*” [trong câu này] có cùng một ý nghĩa với “*quĩ trì*”, tức là nguyên tắc, có thể sử dụng nguyên tắc ấy khiến cho hết thảy chúng sanh lý giải. “*Vật*” (物): Chẳng nói người [mà nói Vật], vì Vật có phạm vi lớn hơn người. Nếu nói đến chuyện “có thể sanh, có thể hiểu” thì trong lục đạo, trừ loài người ra, còn có thiên đạo, súc sanh, ngạ quỷ, A Tu La cũng có thể nghe hiểu Phật pháp. “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loài đều hiểu). Đối với cách nói này trong Phật pháp, nói thật ra, bọn phàm phu mắt thịt chúng ta chỉ có thể nghe, chỉ có thể thấy những gì? Có không ít người đang nghe ở đây. Nếu quý vị có Thiên Nhãn, không chỉ thấy trong giảng đường này có rất nhiều người, mà ở đây còn có rất nhiều quỷ thần, nhưng chúng ta mắt thịt không thấy. Thông thường, các vị đại đức tại gia hay xuất gia giảng kinh đều có quỷ thần đến nghe, hướng hồ Phật, Bồ Tát! Vì vậy, Ngài dùng chữ “*vật*” rất hay, hết thảy hữu tình chúng sanh trong lục đạo đều được bao gồm. Nếu Phật giảng kinh, Bồ Tát cũng đến nghe, toàn bộ chúng sanh trong chín pháp giới đều dùng chữ này (Vật) để biểu thị. Vì thế, “*quĩ sanh vật giải*” là chiếu theo những nguyên tắc do đức Phật đã nói mà đều có thể lý giải.

“*Nhậm trì tự tánh*”: “*Nhậm*” (任) là tự nhiên. Phật pháp bất luận là nói sâu hay cạn, mục tiêu chung cực đều là minh tâm kiến tánh. Chớ nên hiểu “*nhậm trì tự tánh*” ở đây là “*minh tâm kiến tánh*”, hãy nên hiểu theo

cách này: Bất cứ một pháp nào đều có thể tánh của nó, nó có thể giữ gìn thể tánh ấy chẳng để mất đi, nên gọi là “*nhậm trì tự tánh*”. Như quyển sách này có thể gìn giữ hình dáng của một quyển sách trong một khoảng thời gian khá dài, chẳng bị biến đổi, đó là “*nhậm trì tự tánh*”. Quyển sách này cũng là một pháp. Căn nhà đã xây dựng xong xuôi, cũng có thể tồn tại trong một khoảng thời gian, nó cũng chẳng bị biến đổi. Bàn, ghế, băng ghế, bất cứ pháp nào đều có thể tự nhiên gìn giữ tự tánh của nó, có ý nghĩa này! Đây là nói đến Pháp Bảo đều là nói theo phương diện sự tướng.

**(Diễn) Thế phát, nhiễm y, Lục Hòa vô tranh, thử sự tướng Tăng đã.**

**(演) 剃髮染衣，六和無諍，此事相僧也。**

**(Diễn: Xướng tóc, áo nhuộm, Lục Hòa chẳng tranh cãi, đó là Tăng về mặt sự tướng).**

Thứ ba là nói đến Tăng Bảo. Tăng Bảo là người xuất gia. Theo chế độ xuất gia của Phật, nhất định phải xướng tóc, mặc y nhuộm [hoại sắc]. Nói thật ra, cái y mà người xuất gia chúng ta đang đắp hiện thời đã hoàn toàn trái nghịch chế độ của nhà Phật, dầu có làm ra dáng vẻ thì cũng là một thứ mang ý nghĩa kỷ niệm, chứ phương pháp chế tạo nguyên thủy đã chẳng còn nữa. Thời cổ, đi khát thực, người ta cúng dường quý vị một bữa cơm dễ dàng, chứ cúng dường một tấm áo khó lắm! Hiện tại, khoa học kỹ thuật phát triển, từ lõi canh cửi theo thủ công đã tiến nhập cơ giới hóa, dễ dàng có được một bộ áo. Trước đây, dệt vải phải mất khá nhiều ngày mới dệt thành một tấm vải. Y phục của người xuất gia toàn là nhặt nhạnh những thứ người ta vứt đi. Những thứ quần áo do người khác mặc đã hư nát, vứt đi, chẳng cần nữa, người xuất gia lượm lấy, những chỗ rách nát tả tơi bèn cắt bỏ chẳng dùng, giữ lại những miếng có thể dùng được, dần dần tích lũy được nhiều, bèn chằm khít lại, may dính lại thành một miếng lớn. Nay chúng ta nói tám y của người xuất gia đắp là y bảy điều hay y năm điều. Y năm điều là các miếng vải kết lại to hơn một chút. Y hai mươi lăm điều là do các miếng vải cắt nhỏ, may chằm lại thành. Do chất liệu các mụn vải khác nhau, màu sắc cũng khác biệt, cũ mới cũng khác nhau, mặc vào cũng rất khó coi, đức Phật dùng phương pháp gì? Nhuộm màu, đem nhuộm đi, mặc y hoại sắc<sup>2</sup>.

---

<sup>2</sup> “*Hoại sắc*” tức là màu không thuộc về chánh sắc. Chánh sắc là các màu đỏ, vàng, lam, trắng, đen. Hoại sắc là các màu ấy được pha trộn lẫn thành một màu hỗn hợp,

Hiện nay đều là mua cả cuộn vải, quý vị thấy quần áo của người xuất gia có nhuộm [hoại sắc] hay không? Chẳng có! Chẳng có áo nhuộm [hoại sắc]! Hiện nay tuy đắt y, y hai mươi lăm điều, y bảy điều, hoặc y năm điều, toàn là mua cả một cuộn vải mới, cắt nát ra, may lại. Nói thật ra, thuở Phật tại thế, chắc chắn sẽ không cắt nát ra! Bị cắt nát ra là do nhặt từng miếng vải người ta không cần dùng nữa, may chằm lại như thế, chẳng phải là đem cả một tấm vải cắt vụn ra. Nay chúng ta mua cả tấm vải, đem cắt vụn ra, rồi may chằm từng miếng lại, đó là “đa sự”, ý nghĩa thật sự đã bị mất sạch! Vì vậy, hiện thời có những người may y bằng cách may dần thành những ô vuông trên mặt tấm vải để kỷ niệm [ý nghĩa ban đầu], tôi cảm thấy cách làm ấy rất có lý, chứ đem toàn bộ cắt vụn ra rồi may chằm lại, tuy rất giống với cái y của đức Phật xưa kia, nhưng chẳng hợp lý, vì vải may y thời đức Phật được nhặt nhanh từ bên ngoài, từng miếng khác nhau, chắc chắn chẳng phải là trọn cả xấp vải! Nếu là trọn cả xấp vải, tôi tin là Phật sẽ tuyệt đối chẳng cắt vụn ra. Đức Phật sống rất đơn giản, sẽ chẳng tự mình chuốc phiền, chúng ta phải nên biết chuyện này!

Trong cuộc sống vật chất, chúng ta hưởng thụ vượt xa Thích Ca Mâu Ni Phật. Đối với cơm ăn mỗi ngày, Thích Ca Mâu Ni Phật phải đi ra ngoài khát thực, phải đi vài dặm đường. Nay những món chúng ta ăn đã có sẵn; ăn, mặc, ở, đi lại sung túc hơn các vị cao tăng đại đức thời cổ quá nhiều; nhưng đạo hạnh của chúng ta kém xa người ta quá nhiều. Người ta thân tâm thanh tịnh, còn chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, nên tổ sư đại đức thường nhắc chúng ta: “Hãy nên sanh tâm hổ thẹn, hãy nên nghiêm túc nỗ lực”. Tuyệt đối chẳng phải là chúng tôi bảo mọi người hãy khôi phục cuộc sống kham khổ như xưa kia, chẳng phải vậy! Vì nếu chúng ta sống cuộc đời y như thuở đức Phật tại thế, tôi nói cho quý vị biết, bản thân quý vị có thể tu hành thành tựu, tuy quý vị thành tựu, nhưng Phật pháp cũng bị tiêu diệt luôn! Có sao Phật pháp bị tiêu diệt? Người thế gian vừa thấy học Phật khổ như vậy, [bèn nghĩ]: “Chớ nên học Phật! Chỉ có kẻ ngốc mới học Phật!” Mọi người chẳng học Phật, Phật pháp sẽ bị tiêu diệt. Phải thành tựu chính mình, mà cũng phải làm cho Phật pháp có thể hoằng dương trọn khắp. Mức sống của chúng ta cũng phải đuổi kịp thời đại, khiến cho mọi người nhìn vào, [sẽ nghĩ]: “Chúng ta vẫn còn có

---

không còn vẻ tươi sáng ban đầu, hoặc thuần màu, chẳng hạn y màu vàng bèn nhuộm thành màu vàng ử dột, giống như màu vàng nghệ xẫm hoặc đất thó, không giữ vẻ tươi sáng như hiện thời. Chính vì vậy mà tăng nhân Trung Hoa thuở trước thường mặc màu xám khói hương, màu chàm, màu nâu, hoặc đen xẫm, ngay cả y vàng cũng nhuộm xẫm sao cho vàng không ra vàng, đỏ không ra đỏ, cam không ra cam.

thể học Phật pháp”. Chẳng đến nỗi bài xích, chẳng đến nỗi e sợ. Tuy có thể đuổi kịp thời đại, chớ nên quá xa xỉ, như vậy là được. Đại Thừa Phật pháp nói đến Trung Đạo, chẳng giống như Tiểu Thừa, Tiểu Thừa đích xác là lệch sang một bên. Tiểu Thừa rất khổ hạnh.

“*Lục Hòa vô tránh*”: Nhất định phải tu Lục Hòa Kính. Chư vị phải biết: Nếu bất hòa, tâm quý vị sẽ chẳng bình. Trong Bát Đức của Trung Quốc có nói “*hòa bình*”, hòa là nhân, bình là quả. Sau khi tâm đã bình thì mới đẳng, đẳng (ngang bằng) gì vậy? Bằng với Phật. Tâm Phật bình đẳng. Tâm chúng ta mà bình, sẽ chẳng kém Phật cho mấy. Đại Kinh có tựa đề là Bình Đẳng Giác Kinh, quý vị thấy rất trọng yếu! Bình đẳng sẽ giác, giác bèn bình đẳng. Hòa là tiền phương tiện của Bình. Do đó có thể biết: Giác thì mới hòa, hòa là giác, bất hòa là bất giác. Chư vị phải hiểu: Chúng ta phải nên học tập hòa, bình đẳng, giác. Phải hòa với bất luận kẻ nào, phải hòa với bất luận sự nào. Trong hòa chẳng có tranh, trong hòa chẳng có giới hạn. Có giới hạn thì nhất định là có tranh chấp. Vì thế, đó là phương tiện đầu tiên trong sự học Phật. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đức Thế Tôn trước khi nói phương pháp tu hành [để vãng sanh] Tây Phương Cực Lạc thế giới, trước hết, Ngài nói về Tam Phước. Do điều này có thể biết: Tam Phước là chỗ để tu tập đầu tiên trong sự học Phật. Phước thứ hai trong Tam Phước là “*thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, điều này trọn đủ Lục Hòa, bởi lẽ, Lục Hòa hết sức trọng yếu. Bản thân chúng ta tu học có thành tựu hay không, Chánh Pháp có thể tồn tại lâu dài trên thế gian hay không? Then chốt đều do Lục Hòa.

Vì sao Tăng đoàn chẳng dễ dàng thành lập? Tìm không ra bốn người cùng một lòng, cùng một nguyện. Mỗi người giữ cứng ngắc cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của chính mình, đó là phân biệt, chấp trước. Mỗi người giữ chặt sự chấp trước của chính mình, không chịu bỏ, nên mọi người xử sự với nhau là một khối bất hòa. Vì căn bản của Lục Hòa là Kiến Hòa Đồng Giải, chỉ cần làm được điều này, năm điều kia sẽ dễ dàng. Hiện thời, chúng ta suy nghĩ kỹ càng, [sẽ thấy] là thật khó. Đừng nói chỉ bốn người, hai người cùng một lòng đã chẳng dễ rồi! Hai người mà mỗi người giữ chặt chủ trương của chính mình, quý vị nghĩ xem: Hai kẻ đó còn chẳng thể hòa, tìm đâu ra bốn người nữa đây? Tìm chẳng được! Đây đúng là chuyện bi ai!

Chỉ cần có một Tăng đoàn xuất hiện, nơi này quyết định chẳng gặp nạn! Đáng tiếc là ở nơi đây không có ai chịu hy sinh, không ai chịu bỏ chấp trước của chính mình. Chữ “*Tăng đoàn*” không nhất định là nói về người xuất gia, mà tại gia cũng thế. Chỉ cần bốn người ở cùng một chỗ

cùng tu, thật sự có thể tuân thủ Lục Hòa Kính thì người tại gia cũng là Tăng đoàn, chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ. Rất ư khó khăn! Thật sự chẳng dễ dàng! Chúng ta chỉ hy vọng sâu xa rằng sẽ có một đoàn thể như vậy xuất hiện trên thế gian, người trong thế gian này sẽ có phước. Cận đại, khi sinh tiền, Ấn Quang đại sư tự xưng là Thường Tàm Quý Tăng (常慚愧僧: ông Tăng thường hổ thẹn). Ngài hổ thẹn điều gì? Có thể nói bản thân lão nhân gia cả một đời tu trì viên mãn, chúng ta chẳng tìm thấy một chút khuyết hãm nào, Ngài hổ thẹn vì chẳng thể kiến lập một Tăng đoàn, tìm chẳng được bốn người đồng tâm, đồng đức!

Tuy chúng ta học Phật, nhưng khởi tâm động niệm, ý niệm thứ nhất là vì chính mình, chẳng thể hợp tác với người khác. Ý niệm thứ nhất luôn vì chính mình, tự tư tự lợi, chúng ta khác với Phật, Bồ Tát ở chỗ này! Nay chúng ta dấy lên ý niệm thứ nhất là vì chính mình, vậy thì chẳng có cách nào hòa được cả! Phật, Bồ Tát hòa dễ dàng, do ý niệm thứ nhất của các Ngài đều vì cứu độ hết thảy chúng sanh. Do điều này có thể biết, đến khi nào Tiểu Thừa Giáo mới thật sự kiến lập hòa hợp? Sơ Quả Tu Đà Hoàn phá Thân Kiến, chẳng còn suy nghĩ vì chính mình, sẽ hòa hợp dễ dàng. Nay chúng ta niệm niệm đều nghĩ vì mình, niệm niệm mong bảo vệ chính mình, niệm niệm mong vì chính mình, Kiến Hòa Đồng Giải chắc chắn chẳng thể kiến lập. Hiện thời, đối với Lục Hòa Kính, chúng ta cũng chỉ là đọc đến, ngưỡng mộ mà thôi, há có thể làm được ư?

***(Diễn) Lập thử sự tướng, dĩ tựu hòa hợp nghĩa, dĩ tụy bất đạt Thật Tướng, dĩ Lý hòa hợp, nhi tại chúng vô tranh, hỗ tương ái kính, Lục Hòa vi lữ, như thủy nhũ hợp, cố danh Tăng Bảo. Nãi Tiểu Giáo chi Tam Bảo dã.***

**(演) 立此事相，以就和合義，以雖不達實相，與理和合，而在眾無爭，互相愛敬，六和為侶，如水乳合，故名僧寶。乃小教之三寶也。**

***(Diễn: Lập ra sự tướng này để dẫn khởi ý nghĩa Hòa Hợp, vì tuy chẳng thấu đạt Thật Tướng, hòa hợp cùng Lý, nhưng chẳng tranh chấp với đại chúng, kính yêu lẫn nhau, làm bè bạn Lục Hòa, như nước hòa lẫn cùng sữa, nên gọi là Tăng Bảo. Đó chính là Tam Bảo của Tiểu Giáo vậy).***

Trong Trụ Trì Tam Bảo của Tiểu Giáo, Tăng Bảo khá đáng quý, hết sức khó có. Không có Lục Hòa, dầu đạo tràng to đến mấy, nhân số đông đến mấy, chẳng phải là Tăng đoàn! Nếu đều có thể tu Lục Hòa Kính, dầu



nơi đó nhỏ đến mấy, ít người đến mấy, bốn người bèn gọi là Chúng. Từ bốn người trở lên tu Lục Hòa Kính, lỗi lạc thay, rất đáng để tôn kính!

**(Sao) Nhị giả, hội Sự quy Lý môn.**

**(鈔) 二者會事歸理門。**

**(Sao: Hai là môn hội quy Sự về Lý).**

Trên đây chỉ là nói theo Sự, tức Tiểu Giáo Tam Bảo; còn điều này là Đại Thừa Thi Giáo.

**(Diễn) Hội Sự quy Lý giả, phi tam thập nhị tướng chi Phật vi Phật. Bát Nhã kinh vân: “Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”. Hựu viết: “Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”. Hựu viết: “Như Lai giả, tức chư pháp Như nghĩa”. Cố dĩ như Lý vi Phật Bảo.**

**(演) 會事歸理者，非三十二相之佛為佛。般若經云：若以色見我，以音聲求我，是人行邪道，不能見如來；又曰：若見諸相非相，即見如來；又曰：如來者，即諸法如義。故以如理為佛寶。**

**(Diễn: “Hội Sự quy Lý”: Chẳng phải vị Phật có ba mươi hai tướng là Phật. Kinh Bát Nhã nói: “Nếu dùng Sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành tà đạo, chẳng thể thấy Như Lai”. Lại nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai”. Lại nói: “Như Lai là nghĩa Như của các pháp”. Vì thế, lấy như Lý làm Phật Bảo).**

Đại Thừa và Tiểu Thừa hoàn toàn khác nhau, Tiểu Thừa luôn chấp tướng, Đại Thừa vừa khởi đầu bèn lìa hết thấy tướng, chẳng chấp trước. Chẳng còn chấp tướng nữa! Chấp tướng sẽ chẳng thể nhập Thật Tướng. Trong pháp Tiểu Thừa, đức Thế Tôn chẳng giảng Thật Tướng, trong Đại Thừa, đức Phật giảng Thật Tướng. Ở đây, đại sư trích dẫn kinh văn của kinh Kim Cang [để giảng giải]. Thi Giáo, lấy như Lý làm Phật Bảo, Lý là gì? Tự tánh giác. Nếu quý vị chấp tướng, chấp tướng là mê, chấp tướng là bất giác; không chấp tướng, quý vị mới có thể hiểu Chân Lý, tức là Lý chân thật. Lý Thế ấy là Phật Bảo; nhưng khởi đầu của Đại Thừa chẳng dễ dàng, nhất là đại sư trích dẫn một câu trong kinh Kim Cang: “Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa” (Như Lai là nghĩa Như của các pháp). Câu này có ý nghĩa rất sâu, “chư pháp” là hết thấy các pháp, “Như” là gì? [Như là] giống hệt như thế, có nghĩa là bất nhị, cũng có thể nói là vạn pháp đều như

nhau, pháp nào cũng bất nhị. Chúng ta thấy hết thấy đều có sai biệt, đều chẳng Như; vì sao đức Phật nói hết thấy các pháp đều là như nhau, là bất nhị? Đức Phật nhìn từ Lý, chúng ta nhìn từ Sự. Nhìn theo mặt Sự, mỗi pháp đều khác nhau. Nếu nhìn theo Lý, về Lý thì đều như nhau. Trong quá khứ, Hiền Thủ quốc sư thuyết pháp cho hoàng đế Thuận Tông (đời Đường)<sup>3</sup>, có một bài viết đặt tên là Kim Sư Tử Chương. Nội dung trọng yếu nhất trong bài viết ấy chính là *“dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng”*, dùng tỷ dụ ấy để nói. Phàm phu chúng ta chấp tướng, quý vị đến tiệm kim hoàn xem các món đồ bằng vàng, mỗi món có kiểu dáng khác nhau, mấy vạn thứ. Nếu quý vị chẳng chấp tướng, sẽ thấy vàng đều giống như nhau, mấy vạn loại toàn là vàng. Đừng chấp trước hình dáng, quý vị sẽ thấy vàng, toàn bộ đều giống hệt như nhau. Chấp tướng thì không có gì giống nhau, chẳng chấp tướng thì món nào cũng đều giống hệt như nhau.

Kinh Lăng Nghiêm đã giảng chân tướng sự thật này hết sức thấu triệt, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? *“Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ”*. Do đâu mà có pháp giới? Do tâm của chính chúng ta biến hiện, nên tâm thanh tịnh, quốc độ liền thanh tịnh. *“Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh”*, chúng ta dùng câu nói ấy để quan sát căn cơ thế giới hiện tiền này, xét đoán cái tâm của mọi người. Bốn mươi năm trước, Đài Loan vừa mới quang phục<sup>4</sup> không lâu, xã hội Đài Loan hết sức yên ổn, hết sức đáng yêu, vì sao? Tâm mọi người bình lặng, yên tĩnh, không tranh giành, đầu óc chẳng nghĩ tới danh vọng, lợi dưỡng, tài, sắc, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ, xã hội an định. Nay chúng ta nhìn vào xã hội này, ai nấy đều dốc hết tánh mạng tranh đoạt danh vọng, lợi dưỡng. Xã hội hiện thời động loạn dường ấy, do đâu mà ra? Do lòng người tạo thành. Kẻ nào ra tranh cử cũng đều nói:

---

<sup>3</sup> Thuận Tông là hoàng đế thứ mười của nhà Đường, tên thật là Lý Tụng (761-806), con trưởng của Đức Tông (Lý Quát). Ông là người chăm lo việc nước, tận lực trừ khử những tệ hại trong thời Đức Tông, trọng dụng những vị hiền thần như Liễu Tông Nguyên, Lưu Vũ Tích v.v... giáng chức hoặc biếm truất các tham quan, dẹp trừ bè phái hoạn quan, sử gọi công cuộc cải cách này là Vĩnh Trinh Duy Tân. Tiếc rằng ông bị trúng phong (stroke) á khẩu. Thừa dịp này bọn hoạn quan quyền thần cầm đầu bởi Câu Văn Trân cấu kết với các quyền thần và phiên trấn bắt ông thoái vị, nhường ngôi cho thái tử Lý Thuần (Đường Hiến Tông), đuổi các hiền thần như Vương Hoài, Hàn Thái v.v... Ông mất năm sau, có tin đồn ông bị bọn hoạn quan sát hại.

<sup>4</sup> *“Quang phục”* là từ ngữ thường được dùng để chỉ thời điểm Trung Hoa thoát khỏi ách xâm lược của Nhật Bản. Ở đây, từ ngữ này được dùng để chỉ thời điểm chính quyền Tưởng Giới Thạch thất thủ Hoa Lục, chạy ra Đài Loan, tái lập chính quyền Trung Hoa Dân Quốc tại đó.

“Tôi muốn mưu cầu phước lợi cho dân chúng”. Họ chẳng mưu cầu phước lợi thì chúng ta hãy còn bình an. Ai nấy đều muốn tạo phước cho chúng ta thì họ đâu đá đến nỗi càn khôn đảo lộn! Vì thế, đọc kinh Phật, xác thực là đức Phật nói chẳng sai tí nào! Chúng ta chẳng tranh giành, tâm rất an. Nếu quý vị muốn tranh giành, nay quý vị ra tranh cử, tâm quý vị suốt ngày từ sáng đến tối chao đảo. Vì thế, tâm thanh tịnh rất quan trọng.

Đại Thừa Thi Giáo là quan sát từ Thê. Vạn pháp giống hệt như nhau, đó là nghĩa Như của các pháp, tức là Như Lai. Quý vị có thể thấy hết thấy các pháp đều không hai, bèn thấy Phật; hề thấy Phật, quý vị bèn thành Phật. Nếu quý vị chẳng thành Phật, làm sao có thể thấy Phật cho được? Do đó, Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật. Bồ Tát thấy hết thấy chúng sanh đều là Bồ Tát. Phạm phu thấy Phật, Bồ Tát cũng là phạm phu. Do điều này có thể biết, cảnh giới chẳng phải là thật, là giả, biến đổi theo tâm. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Hết thấy các pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến”*. Thức là phân biệt, chấp trước. Mười pháp giới là tướng được hiện bởi sự phân biệt, chấp trước của chúng ta. Những tướng hiện ra ấy chẳng chân thật, mà là huyền tướng. Kinh Kim Cang nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Nếu quý vị chấp trước *“ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo”* là Phật, chấp tướng mất rồi! Kinh đã nói rất rõ ràng: Nếu quý vị muốn kiến tánh, mà phân biệt, chấp trước trong hết thấy các tướng, sẽ chẳng kiến tánh; nhưng đối với hết thấy hiện tướng, chẳng phân biệt, không chấp trước, thì hết thấy các hiện tướng là Chân Như bốn tánh. Do đó, đối với nghĩa Như của các pháp, có pháp nào chẳng phải là tự tánh? Pháp nào cũng đều là [tự tánh]! Vì thế, người giác ngộ thường nói: *“Đâu đâu thị đạo, tả hữu phùng nguyên”* (Chuyện gì cũng là đạo, đâu đâu cũng gặp nguồn). Không có gì được tiếp xúc bởi lục căn mà chẳng phải là [tự tánh]! Đây chính là coi kiến tánh là Phật Bảo, coi Chân Như bốn tánh là Phật Bảo.

**(Diễn) Pháp giả, phi dĩ văn tự vi Pháp. Kinh vân: “Hữu pháp khả thuyết, danh vi bácg pháp. Vô pháp khả thuyết, thị vi thuyết pháp”. Sớ vị vô thuyết, vô văn, thị danh chân thuyết Bát Nhã. Thử dĩ như lý danh Pháp Bảo.**

**(演) 法者，非以文字為法。經云：有法可說，名為謗法；無法可說，是為說法；所謂無說無聞，是名真說般若。此以如理名法寶。**

(**Diễn:** **Pháp:** *Chẳng coi văn tự là Pháp. Kinh dạy: “Có pháp để có thể nói, thì gọi là báng pháp. Không có pháp nào để có thể nói, bèn là thuyết pháp”. Đó gọi là “không nói, không nghe, bèn gọi là thật sự nói Bát Nhã”. Đây là gọi như Lý là Pháp Bảo).*

Đại Thừa Thi Giáo, Thi Giáo cũng là Không Tông, lấy tự tánh làm Phật Bảo, lấy khế nhập tự tánh làm Pháp Bảo. Dùng phương pháp gì để khế nhập tự tánh? Nương theo văn tự sẽ chẳng thể khế nhập tự tánh. Văn tự là kinh điển, nhưng chư vị phải biết, cũng chẳng thể lìa khỏi văn tự. Thiền Tông Trung Quốc đề xướng “*chẳng lập văn tự, chỉ thẳng vào tâm người*”. Đó là tông chỉ giáo học của Thiền Tông, mà cũng là nguyên tắc chỉ đạo trong giáo học. Quý vị thấy trong Vạn Tục Tạng, văn tự của Thiền Tông nhiều nhất! Ngũ Lục của lịch đại tổ sư Thiền Tông chiếm hết một nửa, bất cứ tông nào cũng chẳng có văn tự nhiều bằng Thiền Tông. Thiền Tông chẳng lập văn tự, mà có văn tự nhiều hơn ai hết! Chư vị phải biết: “*Chẳng lập văn tự*” là nói không chấp trước văn tự; cũng đừng chấp trước ngôn thuyết, ngôn thuyết có hay không? Có! Đừng chấp trước! Đây chính là như thường nói: “*Nghe kinh phải hội quy tự tánh*”. Hội quy tự tánh là đừng chấp trước. Nếu quý vị chấp trước, sẽ trái nghịch tự tánh. Vì sao? Vì trong tự tánh, chẳng lập một pháp, tự tánh là tâm thanh tịnh. Hễ quý vị có phân biệt, hễ có chấp trước, tâm sẽ chẳng thanh tịnh, trong tâm sẽ nhuốm bụi bặm. Vì thế, nói: “*Pháp còn nên bỏ, hướng hồ phi pháp!*”

Do vậy có thể biết, giáo học Đại Thừa và giáo học Tiểu Thừa đích xác là khác nhau. Tiểu Thừa dạy quý vị phân biệt, chấp trước, Đại Thừa là lìa hết thấy phân biệt, chấp trước; nhưng đúng là Đại Thừa tu học nhanh chóng, Tiểu Thừa chẳng thể sánh bằng, [Đại Thừa] vượt trội cảnh giới, thân tâm thanh tịnh. Tuy Đại Thừa ở Trung Quốc chia thành tám tông phái, các tông các phái có phương pháp tu học đều khác nhau, nhưng nguyên lý như nhau, vì có mục tiêu giống nhau, mục tiêu đều là kiến tánh. Nguyên lý giống nhau, nhưng phương pháp và cách thức thực hiện khác nhau, chúng ta đều phải biết những điều này. Nếu không biết, chúng ta chẳng thể nào có thành tựu trong một đời này. Vì thế, hiện thời, người học Phật đông đảo, nhưng người có thành tựu ít ỏi, nguyên nhân ở chỗ nào? Không liễu giải chân tướng sự thật này. Đại Thừa nhắm đến mục tiêu kiến tánh, trong Chân Như bốn tánh chẳng lập một pháp. Lục Tổ kiến tánh, câu đầu tiên bèn nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn thanh tịnh*”. Câu này là câu đầu tiên trong năm câu, câu đầu tiên là quan trọng nhất. Bốn tánh của quý vị vốn sẵn thanh tịnh. Nói cách khác, nay chúng ta mê mất bốn tánh; mê mất như thế nào? Do tâm chẳng thanh tịnh. Nếu quý vị hiểu nguyên lý này, chúng

ta làm như thế nào thì mới có thể kiến tánh? Tâm thanh tịnh liền kiến tánh; tâm chẳng thanh tịnh, quý vị chẳng thể nào kiến tánh.

Đọc kinh có thể kiến tánh hay không? Đọc kinh mà không chấp trước bèn kiến tánh. Nếu đọc kinh mà phân biệt ý nghĩa trong kinh, sẽ chẳng thể kiến tánh. Quý vị phân biệt ý nghĩa trong kinh, nói theo ở đây thì là quý vị cho rằng đức Phật có pháp để có thể nói, đó gọi là “*báng pháp*”, [vì đã] hoàn toàn dùng ý nghĩ của chính mình để suy đoán ý nghĩa của Phật. Đức Phật có ý nghĩ hay không? Nói thật ra, Phật không có ý nghĩ, chỉ do quý vị suy đoán. Đức Phật thuyết pháp giống như chúng ta gõ khánh. Hễ gõ khánh, ngay lập tức nó phát ra tiếng. Quý vị nghe âm thanh ấy, bèn nghiên cứu rốt cuộc là bước sóng âm thanh có độ dài bao nhiêu, âm thanh dễ nghe cỡ nào, thời gian rung động bao lâu? Đó là phân biệt hư vọng! Khi cái khánh ấy phát ra tiếng, nó có phân biệt lắm thứ như vậy hay không? Chẳng có! Vì thế, đức Phật nói kinh có nghĩ ngợi gì hay không? Chẳng nghĩ ngợi gì! Đức Phật nói kinh nhằm một mục đích quan trọng nhất là đoạn tuyệt nghi hoặc và vọng tưởng của quý vị. Nếu quý vị chẳng còn nghi hoặc, vọng tưởng chẳng còn, Phật pháp cũng chẳng có. Phật pháp được kiến lập tương đối với quý vị. Ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì còn có Phật pháp. Ta không có vọng tưởng, chấp trước, bèn chẳng có Phật pháp. Phải hiểu điều này, đó là chân tướng sự thật. Ta vĩnh viễn chấp trước có Phật, có Pháp, được thôi! Quý vị vĩnh viễn là đối lập, vĩnh viễn chẳng thể kiến tánh. Quý vị có thành tựu, dấu thành tựu cao đến mấy đi nữa, cũng chẳng qua là Phật, Bồ Tát trong Tiểu Giáo mà thôi.

Trong Tiểu Giáo cũng có Phật, cũng có Bồ Tát, tông Thiên Thai gọi [quả vị ấy] là Tạng Đầu Phật, vị Phật ấy chưa kiến tánh. Vị Phật ấy được gọi là Phật trong mười pháp giới, [thuộc trong] mười pháp giới. Pháp Đại Thừa vượt trời mười pháp giới, vượt thoát mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới là gì? Chẳng có cách nào diễn tả, nên gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất là thật, mười pháp giới là giả. Phật trong mười pháp giới là giả, Bồ Tát [trong mười pháp giới] cũng là giả, chẳng thật. Trong Nhất Chân có Phật, Bồ Tát hay không? Chẳng có! Chẳng có Phật, mà cũng chẳng có Bồ Tát. Không có Phật, chẳng có chúng sanh, Nhất Chân mà! Trong Nhất Chân, thứ gì cũng đều chẳng có, nó làm sao có thể kiến lập được? Quý vị lập một pháp trong ấy là sai mất rồi, chẳng thể lập một pháp! Do vậy có thể biết, đích xác là Đại Thừa cao hơn Tiểu Thừa rất nhiều! Tu học Đại Thừa phải tu tập từ cái tâm thanh tịnh.

Trong thế hệ này, Phật môn chẳng có bậc cao tăng đại đức xuất hiện, chẳng bằng trước kia. Trước kia, đích xác là mỗi đời thường có mấy vị.

Thế hệ của chúng ta chẳng có, nhìn về sau này càng thêm đau buồn, nguyên nhân ở chỗ nào? Quan niệm phạm sai lầm! Vì hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, có được các công cụ [để tra duyệt] kinh điển rất dễ dàng. Nói thật ra, chuyện này đã hại chết cả một thế hệ học Phật trẻ tuổi. Trước đây, do thiếu thốn những thứ ấy, thiếu thốn lại có lợi, họ có được một bộ kinh rất khó khăn, nên suốt đời có thể khẳng khẳng một mực học một bộ kinh ấy. Hiện thời, rất dễ có được Đại Tạng Kinh, họ mở miệng liền nói “ta phát đại tâm, ta phải đọc Đại Tạng!” Khi đọc Đại Tạng bèn coi phần trước chẳng hiểu phần sau, coi phần sau quên sạch phần trước, vừa coi vừa suy nghĩ loạn xạ, vô dụng!

Trong quá khứ, nhập Phật môn, phải học giới năm năm. Học giới gì vậy? Trong năm năm tuân thủ sự răn dạy của thầy. Bất luận tông nào hay phái nào trong Đại Thừa, đều phải tuân thủ điều này. Thầy dạy quý vị phương pháp, dạy quý vị phải dụng công nơi phương pháp ấy bao nhiêu năm, học trò thật sự nghe lời, sau khi đồ công sức mấy năm bèn thật sự thành tựu. Nếu chúng ta đọc kỹ các bộ ngữ lục trong Thiền Tông, [sẽ thấy] tổ sư Thiền Tông truyền pháp như thế nào? Dạy quý vị một phương pháp tu hành, dạy quý vị tu bao nhiêu năm. Người ấy tu thành công, hoát nhiên khai ngộ, xin thầy ấn chứng. Thầy ấn chứng tức là truyền pháp cho người ấy, truyền mà chẳng truyền, chẳng truyền mà truyền! Nếu thầy hằng ngày dạy quý vị thì thôi rồi, dạy gì vậy? Những gì quý vị hấp thụ, tiếp nhận là tri thức; tri thức là những thứ ở trong cái tâm ý thức của quý vị, chẳng liên quan đến Chân Như bản tánh. Nói thật ra, dạy học kiểu đó sẽ đoạn tuyệt Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh.

Mấy năm gần đây mới có Phật Học Viện; vào thời cổ, Trung Quốc không có Phật Học Viện. Không có Phật Học Viện, bèn có thể xuất hiện nhân tài thật sự. Có Phật Học Viện, bèn ngăn lấp Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh. Vì sao? Họ dạy quý vị mỗi ngày sử dụng cái tâm ý thức, dạy quý vị nghiên cứu hằng ngày, [tức là] dùng tâm ý thức. Chẳng biết Đại Thừa Phật pháp là lìa tâm ý thức, sao lại có thể sử dụng tâm ý thức? Quý vị xem Đại Thừa Khởi Tín Luận, do chữ Đại Thừa Khởi Tín, bèn biết nó là Thỉ Giáo, bắt đầu của Đại Thừa, dấy lên lòng tin. Khởi Tín Luận dạy chúng ta nghe pháp, đề ra ba nguyên tắc: lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng văn tự, lìa tướng tâm duyên. Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] đã nói hoàn toàn tương ứng [với ba nguyên tắc ấy], chẳng dạy quý vị chấp tướng! Nay chúng ta đọc kinh, nghiên cứu câu này trong kinh giảng theo cách nào, đoạn này có ý nghĩa gì, tức là trái nghịch cả ba điều kiện ấy, vì sao? Chấp

tướng văn tự, chấp tướng ngôn thuyết, lại còn chấp tướng tâm duyên. Tướng tâm duyên là chính mình nghiên cứu, suy nghĩ lung tung!

Giáo học của Giáo Hạ trong thời cổ chẳng phải thực hiện bằng cách nghe kinh! Giáo Hạ là trong năm năm chẳng cho phép quý vị vào giảng đường. Chưa đủ tư cách vào giảng đường, sẽ chẳng cho phép quý vị nghe kinh. Trước hết là đọc kinh, niệm suốt năm năm. Niệm kinh suốt năm năm để làm gì? Huân luyện quý vị lìa ngôn thuyết, lìa văn tự, lìa tâm duyên. Nói cách khác, dùng phương pháp niệm kinh để tu Định. Không niệm kinh, bèn dấy vọng tưởng! Mỗi ngày, niệm kinh này từ đầu một lượt. Trước đây, người ta chọn kinh rất dài, vì sao? Do thời gian [niệm kinh] dài, nên mỗi ngày ít nhất có năm, sáu giờ không dấy vọng tưởng, tâm định. Giáo Hạ dùng phương pháp đọc kinh để tu Định, Thiên Tông dùng phương pháp tham cứu, hoặc quán tâm để tu Định, Mật Tông dùng phương pháp trì chú để tu Định, Tịnh Độ Tông dùng phương pháp niệm Phật để tu Định. Phương pháp khác nhau, mục đích hoàn toàn giống nhau, đều là tu nhằm đạt đến tâm thanh tịnh, đoạn trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Dùng phương pháp này nhằm mục đích đoạn trừ hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, khôi phục tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh bèn kiến tánh; hễ kiến tánh, bèn đột nhiên xuyên suốt, Thiên Tông nói là “hoát nhiên đại ngộ”, Giáo Hạ nói là “đại khai viên giải”, thông đạt hết thấy các pháp. Có phải dạy hay không? Chẳng cần dạy. Tam Tạng mười hai bộ kinh điển thông đạt toàn bộ, vì sao? Vì hết thấy các kinh do đức Phật đã giảng đều do tự tánh thanh tịnh tâm lưu lộ. Tâm chúng ta thanh tịnh giống như tâm Phật, vô lượng vô biên pháp môn do Ngài đã lưu lộ chính là tự tánh của chúng ta lưu lộ, há có kinh nào chẳng hiểu mà còn phải nghiên cứu hay sao? Chẳng cần nghiên cứu!

Tâm Lục Tổ đại sư thanh tịnh, Ngài chưa từng niệm kinh Pháp Hoa, nhưng thiền sư Pháp Đạt niệm cho Ngài nghe. Kinh Pháp Hoa có tất cả hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai, Lục Tổ bảo: “Chẳng cần niệm nữa, ta đã biết trọn vẹn rồi”. Bản lãnh của Ngài quá lớn, chẳng cần niệm, đã biết toàn bộ kinh ấy rồi. Lại còn giảng giải cho Sư, Pháp Đạt vừa nghe liền khai ngộ, nhờ vào đâu? Tâm thanh tịnh. Những người học Phật hiện thời chẳng biết tu tâm thanh tịnh là trọng yếu, coi nghiên cứu kinh điển là chuyện trọng yếu; đó gọi là “gốc ngọn điên đảo”, là kẻ đáng thương xót! Nhưng chúng tôi khuyên họ, họ chẳng tin tưởng, nóng vội, ham lợi, phạm phải căn bệnh ấy rất nặng! Tịnh Độ Tông nói “nhất tâm bất loạn”, nhất tâm là tâm thanh tịnh, nhất tâm là bình đẳng giác, thật sự trọng yếu! Vì thế, phải thấu hiểu kinh điển Phật pháp, chớ nên nghiên cứu. Thấu hiểu

là dùng cái tâm thanh tịnh, thấu hiểu, vừa thấy liền hiểu rõ, vừa nghe liền hiểu rõ, chẳng cần phải qua tư duy, chẳng cần phải nghiên cứu. Đó là tự tánh của quý vị giác ngộ, tự tánh khởi tác dụng. Hễ thông qua tư duy, liền rớt vào thức thứ sáu, tức ý thức. Rớt vào thức thứ sáu, tức ý thức, bèn là tà tri tà kiến.

Thanh Lương đại sư nói: Niệm kinh Phật càng nhiều, “*tăng trưởng tà kiến*”; chẳng niệm, “*tăng trưởng vô minh*”. Điều này có nghĩa là: Niệm thì vẫn phải niệm, nhưng phải biết phương pháp, biết khiêu quyết<sup>5</sup>. Ngài Thanh Lương là tổ sư của tông Hoa Nghiêm, thuộc về Giáo Hạ. Giáo Hạ dạy người ta niệm kinh hằng ngày, nhưng niệm kinh chẳng mong hiểu nghĩa, dùng phương pháp niệm kinh để tu cái tâm thanh tịnh; đó là đúng. Vì thế, khi niệm kinh, đã lìa tà kiến, lại lìa vô minh. Niệm kinh vẫn từ đầu đến đuôi rành mạch, rõ ràng, từng chữ phân minh, đó là phá vô minh. Tuy một mực niệm, nhưng tâm địa thanh tịnh, chẳng có một vọng niệm, đó là chẳng rớt vào tà kiến. Chẳng rớt vào tà kiến, lại chẳng rơi vào vô minh; đó là tu Trung Đạo, bí quyết đọc kinh là ở chỗ này. Vì lẽ đó, đọc kinh là tu Định. Đọc kinh là tu tâm thanh tịnh. Đọc kinh là tương ứng với mười phương ba đời hết thầy Như Lai, tâm tâm tương ứng với các Ngài. Trong ấy có vô lượng vô biên công đức! Quý vị phải biết đọc. Không biết đọc là hỏng, sẽ biến việc đọc kinh thành nghiên cứu pháp thế gian.

“*Vô pháp khả thuyết, thị vi thuyết pháp. Sở vị vô thuyết, vô văn, thị danh chân thuyết Bát Nhã*” (Không có pháp nào để có thể nói thì là thuyết pháp. Đó gọi là không nói, không nghe bèn gọi là thật sự nói Bát Nhã). “*Vô thuyết vô văn*”: “*Vô*” chẳng phải là không có. Ngài (đức Phật) thật sự có nói, cũng có [các vị đệ tử] nghe, nhưng đức Phật nói mà không nói, [các đệ tử] nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, hoàn toàn hội quy tự tánh, trí huệ Bát Nhã hiện tiền. Nói thật ra, trong giảng đường, giảng kinh và đọc kinh có nghĩa thú tương đương. Chư vị nghe kinh ở đây, nếu vận dụng ba nguyên tắc do Mã Minh Bồ Tát đã nói trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, tức là quý vị tu hành trong một tiếng rưỡi này, tu gì? Tu Bát Nhã, Bát Nhã chân chánh. Quý vị nghe kinh ở đây, chẳng chấp trước tướng ngôn thuyết, chẳng chấp trước tướng danh tự (danh từ, thuật ngữ), chẳng chấp trước tâm duyên, trong một tiếng rưỡi đồng hồ ở đây, quý vị chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó gọi là “*nghe mà không nghe*”. Khi nghe như vậy, đôi khi ý nghĩa bỗng dừng dâng trào, đó là ngộ xứ của quý vị, quý vị trọn chẳng có phân biệt.

---

<sup>5</sup> Khiêu quyết: Bí quyết mấu chốt của một việc gì đó.



Nghe kinh và đọc kinh đều có ngộ xứ, chẳng phải là ý nghĩ của chính chúng ta, mà ý nghĩa cứ tự nhiên bật ra. Dầu bật ra, cũng đừng quan tâm tới, cũng chớ nên xét coi nó là chuyện như thế nào, vẫn là quên nó đi, khôi phục tâm địa thanh tịnh. Đôi khi nó dấy lên một bọt nước nhỏ, hoặc cuộn sóng, mặc kệ nó, cứ khôi phục cái tâm thanh tịnh như vậy. Đó là đúng! Đó gọi là đạo tràng, là thật sự dụng công! Đó là thật sự nói Bát Nhã, thật sự nghe Bát Nhã. Thi Giáo coi chuyện này là Pháp Bảo.

**(Diễn) Tăng giả, phi dĩ thể phát vi Tăng. Kinh vân: “Tu Đà Hoàn, danh vi Nhập Lưu, nhi vô sở nhập, nãi chí A La Hán, thật vô hữu pháp, danh A La Hán”. Diệc dĩ như lý vi Tăng Bảo. Thi Giáo chi Tam Bảo dã.**

**(演) 僧者，非以剃髮為僧。經云：須陀洹，名為入流，而無所入。乃至阿羅漢，實無有法，名阿羅漢。亦以如理為僧寶。始教之三寶也。**

**(Diễn: Tăng: Chẳng phải coi người cạo tóc bèn là Tăng. Kinh nói: “Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, nhưng không có gì để nhập. Cho đến A La Hán, thật sự chẳng có pháp, nên gọi là A La Hán”. Cũng lấy như Lý làm Tăng Bảo. Đó là Tam Bảo của Thi Giáo).**

Đại Thừa Phật pháp nói đến Tăng Bảo thì không nhất định là người mang dáng vẻ xuống tóc bèn gọi là Tăng Bảo. Nói cách khác, quý vị chẳng tương ứng với lý Chân Như, sẽ chẳng thể gọi là Tăng Bảo. Tương ứng với lý Chân Như, Lục Hòa sẽ viên mãn, vì sao? Lục Hòa là Tánh Đức, người đã kiến tánh thì Lục Hòa tự nhiên lưu lộ. Chúng sanh chẳng hòa với người ấy, nhưng người ấy hòa với chúng sanh. Chúng sanh vạch giới hạn với người ấy, người ấy chẳng vạch giới hạn cùng chúng sanh, người ấy hòa. Giống như bọt nước tan vỡ, mới biết toàn thể biển cả là chính mình. Người khác vạch giới hạn, giống như trong nước biển trời lên một cái bọt nước, bọt nước ấy là giới hạn. Người chẳng có bọt nước có thể dung nạp kẻ ấy, nhưng kẻ ấy chẳng thể dung nạp biển cả. Mười pháp giới chưa chắc đã có thể hòa với người ấy, nhưng đối với mười pháp giới, người ấy thấy đều có thể hòa. Đó là Tăng Bảo chân chánh.

Đức Phật nói ra danh xưng của người khế nhập cảnh giới này, thì những danh xưng ấy đều vì chúng sanh có phân biệt, chấp trước mà nói, mà kiến lập. Thánh nhân có chấp tướng hay không? Vị ấy chứng quả Tu Đà Hoàn, có nghĩ chính mình đã chứng Sơ Quả hay không? Nếu Ngài nghĩ chính mình đã chứng Sơ Quả, chắc chắn là Ngài chẳng chứng. Vì sao? Chấp tướng! Tu Đà Hoàn đã phá Thân Kiến: Nói cách khác, [hề nghĩ]

“ta chứng đắc Tu Đà Hoàn”, tức là ta vẫn còn Thân Kiến, chưa phá! Tiểu Thừa còn như thế, huống hồ Đại Thừa? Trong pháp Đại Thừa, từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên, hai thứ chấp trước Ngã và Pháp đều đoạn, lấy đâu ra Bồ Tát, Phật, chúng sanh? Những thứ ấy đều là tri kiến phàm phu, Ngài hoàn toàn không có.

Các Ngài đến nơi đây nhằm giáo hóa chúng sanh, tùy thuận kiến giải của bọn phàm phu chúng ta mà kiến lập những danh tướng sai biệt. Tuy kiến lập những hiện tượng (tướng biến hiện) sai biệt ấy, các Ngài có [những hiện tượng ấy] hay không? Chẳng có! Vì thế, các Ngài chẳng nói mà nói. Quý vị ngỡ là có nhiều tầng cấp như thế, nhưng đối với các Ngài chẳng có tầng cấp. Vì không có tầng cấp, nên gọi là Nhất Chân. Từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên đều là Nhất Chân pháp giới, chẳng có tầng cấp, chẳng có phân biệt, chấp trước; nhưng xác thực là các Ngài còn có mức độ cạn hay sâu. Tuy có cạn hay sâu, nhưng quyết định là chẳng có chấp trước, nên pháp giới của các Ngài được gọi là Nhất Chân, vượt lên trên mười pháp giới. Nếu trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có thể dần dần xem nhẹ những phân biệt, chấp trước, sẽ khế nhập Nhất Chân dễ dàng. Vì thế, chuyện gì cũng nên xem nhẹ một chút thì hơn, chớ nên quá riết róng! Phân biệt, chấp trước càng nhạt càng hay, tâm địa càng thanh tịnh càng tốt, tâm lượng càng lớn càng hay, vì sao? Tương ứng với tự tánh, càng gần gũi hơn. Nếu nói nông cạn rõ ràng hơn, sẽ là: Càng gần với tâm thanh tịnh thì tâm càng thanh tịnh. Đó là Tam Bảo của Thỉ Giáo.

Đối với ngũ giáo, hôm nay chúng tôi giảng hai đoạn này, [quý vị đã] thấy Đại Thừa và Tiểu Thừa hiển nhiên khác nhau, một đẳng là Không, một đẳng là Có. Ba loại tiếp theo sẽ dần dần tiến đến viên dung. Viên dung thì mới đắc đại tự tại, Hoa Nghiêm là dung thông vô ngại, Tịnh Độ cũng là dung thông vô ngại. Trong năm môn, đó là một môn thù thắng nhất. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.